

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2017/HNGĐ- ST
Ngày 28 - 8 - 2017;
“V/v: Ly hôn giữa
chị N và anh H”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT- TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Đoàn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hồ Tùng Mận;
2. Ông Nguyễn Tiến Dũng;
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Cảnh- Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 28/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp: “*Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Có mặt).
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 14/4/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị N và anh H có đăng ký kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 191, ngày 06/12/2013 do Ủy ban nhân Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi kết hôn đến đầu năm 2015 vợ chồng về chung sống tại Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh H thường đi làm xa không quan tâm đến gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát và cãi vã nhau. Đến đầu năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống

gia đình không thể hàn gắn được nữa nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị N và anh H có con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 07/01/2015 và chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu K từ trước đến nay ở cùng với chị N và chị N hiện nay đang làm việc tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu có thu nhập ổn định trung bình hằng tháng khoảng 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*).

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh H*: Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu hợp lệ nhiều lần nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. Qua xác minh tại địa phương nơi anh H cư trú thì được biết anh H vẫn cư trú và sinh sống tại đại phương. Tuy nhiên, anh H không đến Tòa để tham gia tố tụng nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh H được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa; Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, nhưng anh H đều vắng mặt. Sau khi Tòa án ra quyết định xét xử anh H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị N và anh H là tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 06/12/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét về tình trạng hôn nhân của chị N và anh H, qua trình bày của đương sự cũng như xác minh ở địa phương, xác định với choàng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh H không quan tâm đến gia đình, vợ con nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và xô xát nhau. Đến đầu năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị N xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[3]. Về con cái: Chị N và anh H có con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 07/01/2015 và chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét về quyền lợi mọi mặt của con, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Xét thấy, hiện cháu K từ trước đến nay đang ở với chị N tại địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có nơi ăn ở, sinh hoạt, học tập ổn định và chị N có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần giao con cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án về mức thu án phí, lệ phí Tòa án*”.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 07/01/2015, cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị N đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000320 ngày 26/4/2017. Chị N đã nộp xong tiền án phí.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- P. Kiểm tra- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. B;
- CC THADS TP. B;
- Lưu HS, VP.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Văn Đoàn